TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị B, sinh năm 1996 *(có mặt).*

Địa chỉ: Ấp Vĩnh H, xã Hòa C, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Phước Hòa, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp Vĩnh H, xã Hòa C, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thị B và anh Nguyễn Văn H *(sau đây gọi tắt là chị B, anh H)* tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa C, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G ngày 22/02/2018. Vợ chồng chị

B, anh H chung sống hạnh phúc được hơn 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, khi say rượu về nhà là chửi mắn, đuổi chị B ra khỏi nhà. Đồng thời, anh H còn dùng bạo lực đối với chị B. Nhiều lần chị B khuyên anh sửa đổi nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị B yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị B, anh H có 02 người con chung Nguyễn Hoài Trung, sinh ngày 03/7/2014, Nguyễn Minh Hiếu, sinh ngày 27/3/2016 (hiện các con đang sống với chị B). Khi ly hôn chị B xin được nuôi con chung Nguyễn Hoài Trung, Nguyễn Minh Hiếu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị B, anh H không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị B kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H, lý do vợ chồng thường xuyên cự cải, luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp. Anh H không lo làm ăn, mà còn dùng bạo lực đối với chị H nên vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay; vợ chồng có 02 người con chung Nguyễn Hoài Trung, sinh ngày 03/7/2014 và Nguyễn Minh Hiếu, sinh ngày 27/3/2016. Vợ chồng ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hoài Trung, Nguyễn Minh Hiếu. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung, không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình gải quyết vụ án anh H không có phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị B. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp. Tại phiên tòa chị B trình bày lý do xin ly hôn với anh H là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Anh H không lo làm ăn để chăm sóc cho vợ và con mà thường uống rượu, khi say rượu về nhà là mắn chửi, dùng bạo lực đối với chị B. Trong năm 2021 nhiều lần anh H đuổi chị B ra khỏi nhà, nên chị B cùng các con về bên nhà cha mẹ ruột của chị sống tại Ấp Phước Hòa, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đến nay. Tình trạng hôn nhân của chị B, anh H cũng được chính quyền địa phương và UBND xã Hòa C xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị B kiên quyết xin ly hôn với anh Huy. Vợ chồng chị B, anh H đã ly thân từ năm 2021 đến nay đã hơn 02 năm nhưng anh chị không có quan tâm, tìm phương cách hàn gắn tình cảm với nhau, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh H không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị B được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị B, anh H có 02 người con chung Nguyễn Hoài Trung, sinh ngày 03/7/2014, Nguyễn Minh Hiếu, sinh ngày 27/3/2016. Vợ chồng ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hoài Trung, Nguyễn Minh Hiếu. Chị Bé không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 10/4/2023 của cháu Trung có nguyện vọng được sống với chị B khi cha mẹ ly hôn. HĐXX nhận thấy: Hiện các cháu Nguyễn Hoài Trung, Nguyễn Minh Hiếu đang sống với chị B và được chị B chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đi học tại ấp Phước Hòa, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, các cháu Hoài Trung, Minh Hiếu đã thích nghi với môi trường sống bên chị B và bạn bè trong lớp. Nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, HĐXX thống nhất giao con chung Nguyễn Hoài Trung, Nguyễn Minh Hiếu cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoài Trung. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị B không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị B xác định không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[3]. Về án phí: Chị Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0005771 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Thị B với anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Hoài Trung, sinh ngày 03/7/2014, Nguyễn Minh Hiếu, sinh ngày 27/3/2016 (hiện các cháu đang sống với chị B) cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị B không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Chị B, anh H không có và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Chị Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0005771 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục THA H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng